

Số: /2026/NĐ-CP
(Tài liệu gửi thẩm định)

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
Nghị quyết về việc thí điểm thực hiện chế định luật sư công**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2026/QH16 về việc thí điểm thực hiện chế định luật sư công;

Căn cứ Luật Luật sư số 65/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 20/2012/QH13;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết về việc thí điểm thực hiện chế định luật sư công.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết khoản 2 Điều 5, khoản 4 Điều 6, khoản 3 Điều 9, khoản 5 Điều 10 của Nghị quyết số 24/2026/QH16 về việc thí điểm thực hiện chế định luật sư công (sau đây gọi là Nghị quyết) và biện pháp thi hành Nghị quyết bao gồm đào tạo nghề luật sư, gia nhập Đoàn Luật sư, cấp Thẻ cho luật sư công, lập danh sách luật sư công, bồi dưỡng cho luật sư công, quản lý luật sư công, xử lý vi phạm và giải quyết tố cáo đối với luật sư công.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư công, cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư tập sự là cơ quan, doanh nghiệp nhà nước nơi luật sư công, luật sư tập sự làm việc thường xuyên và hưởng lương hằng tháng.

2. Cơ quan sử dụng luật sư công là cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan, tổ chức thực hiện thí điểm có vụ, việc hoặc được giao chủ trì giải quyết vụ, việc có tính chất pháp lý tại khu vực nhà nước.

3. Vụ, việc pháp lý phức tạp là vụ, việc pháp luật quy định chưa rõ ràng hoặc pháp luật chưa có quy định hoặc khó giải quyết, cần có thời gian xác minh, giải quyết hoặc có tài liệu, chứng cứ mâu thuẫn nhau hoặc có yếu tố nước ngoài

hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, được dư luận xã hội đặc biệt quan tâm hoặc có liên quan đến các dự án đầu tư công theo pháp luật đầu tư công.

4. Công việc có tính chất pháp lý khác bao gồm tư vấn soạn thảo tài liệu pháp lý; đại diện theo uỷ quyền; cho ý kiến pháp lý, thẩm định pháp lý đối với các giao dịch, dự án, các chủ trương, chính sách hoặc quyết định hành chính để bảo đảm an toàn pháp lý; tham gia ý kiến để phòng ngừa tranh chấp có liên quan đến cơ quan, doanh nghiệp nhà nước hoặc tư vấn xử lý vấn đề pháp lý khác nhằm bảo vệ lợi ích của cơ quan, doanh nghiệp nhà nước.

5. Luật sư tập sự là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân, người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước có giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề luật sư hoặc văn bản công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài hoặc được miễn đào tạo nghề luật sư, được tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự để trở thành luật sư công.

Chương II **LUẬT SƯ CÔNG**

Điều 3. Đào tạo nghề luật sư

1. Người có Bằng cử nhân luật hoặc thạc sĩ luật được tham dự khóa đào tạo nghề luật sư tại cơ sở đào tạo nghề luật sư theo quy định của pháp luật về luật sư.

2. Thời gian đào tạo nghề luật sư là 12 tháng.

Người hoàn thành chương trình đào tạo nghề luật sư được cơ sở đào tạo nghề luật sư cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư.

3. Những người sau đây được miễn đào tạo nghề luật sư để trở thành luật sư công:

- a) Giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật; tiến sĩ luật;
- b) Đã từng là thẩm phán cao cấp, kiểm sát viên cao cấp, điều tra viên cao cấp, chấp hành viên cao cấp, thẩm tra viên cao cấp;
- c) Đã từng là thẩm phán Tòa án nhân dân bậc 2, kiểm sát viên trung cấp, điều tra viên trung cấp; chấp hành viên trung cấp, thẩm tra viên chính;
- d) Chuyên viên cao cấp, pháp chế viên cao cấp, thanh tra viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực pháp luật; trợ giúp viên pháp lý và tương đương;
- đ) Chuyên viên chính, pháp chế viên chính, thanh tra viên chính, nghiên cứu viên chính, giảng viên chính trong lĩnh vực pháp luật; trợ giúp viên pháp lý và tương đương.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định các chức danh tương đương được quy định tại điểm d và đ khoản 3 Điều này.

Điều 4. Tập sự hành nghề luật sư để trở thành luật sư công

1. Người muốn tập sự hành nghề luật sư để trở thành luật sư công là người đã có giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư hoặc thuộc trường hợp được miễn đào tạo nghề luật sư mà đáp ứng tiêu chuẩn tại điểm a, b khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết.

2. Thời gian tập sự của người đã từng là chấp hành viên trung cấp, thẩm tra viên chính, người thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 3 của Nghị định này là 04 tháng.

3. Đối với người có giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư và đã có thời gian giữ ngạch chuyên viên, pháp chế viên, thanh tra viên, nghiên cứu viên, giảng viên trong lĩnh vực pháp luật, trợ giúp viên pháp lý và tương đương từ 10 năm trở lên, thời gian tập sự là 06 tháng.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định các chức danh tương đương tại khoản này.

4. Người muốn tập sự hành nghề luật sư lựa chọn một tổ chức hành nghề luật sư và đăng ký tập sự tại Đoàn Luật sư nơi có trụ sở của cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư tập sự.

Trong trường hợp người muốn tập sự hành nghề luật sư không thỏa thuận được với tổ chức hành nghề luật sư về việc nhận tập sự thì đề nghị Đoàn Luật sư nơi có trụ sở của cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư tập sự để giới thiệu tổ chức hành nghề luật sư. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị, Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư có trách nhiệm giới thiệu tổ chức hành nghề luật sư để tập sự. Cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư tập sự ban hành Quyết định tập sự, trong đó nêu rõ nơi tập sự và thời gian tập sự. Tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự cử luật sư hướng dẫn và gửi văn bản tiếp nhận tập sự cho luật sư tập sự và cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư tập sự.

Trường hợp từ chối nhận người tập sự, người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

Điều 5. Người được miễn tập sự hành nghề luật sư

1. Cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân, người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước thuộc các trường hợp sau đây được miễn tập sự hành nghề luật sư:

a) Giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật; tiến sĩ luật;

b) Đang là chuyên viên cao cấp, pháp chế viên cao cấp, thanh tra viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực pháp luật; trợ giúp viên pháp lý và tương đương;

c) Đã từng là thẩm phán Tòa án nhân dân bậc 3, kiểm sát viên cao cấp,

điều tra viên cao cấp, chấp hành viên cao cấp, thẩm tra viên cao cấp;

d) Đã từng là thẩm phán Tòa án nhân dân bậc 2, kiểm sát viên trung cấp, điều tra viên trung cấp.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định các chức danh tương đương được quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của luật sư tập sự

1. Theo sự phân công và giám sát của luật sư hướng dẫn, khi được khách hàng đồng ý, luật sư tập sự thực hiện các hoạt động nghề nghiệp sau đây:

a) Được thực hiện hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về tố tụng;

b) Thực hiện tư vấn pháp luật, soạn thảo tài liệu pháp lý, đại diện theo uỷ quyền và tư vấn các vấn đề pháp lý khác cho khách hàng nhưng không được ký văn bản tư vấn pháp luật;

c) Được thực hiện hoạt động nghề nghiệp khác của luật sư tập sự phù hợp với quy định pháp luật.

2. Luật sư tập sự lập Sổ nhật ký tập sự hành nghề luật sư theo Mẫu số TP-LSC-01 để ghi chép các công việc thuộc nội dung tập sự mà mình thực hiện trong thời gian tập sự. Sổ nhật ký tập sự có xác nhận của luật sư hướng dẫn và tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự khi kết thúc quá trình tập sự.

Khi hoàn thành thời gian tập sự hành nghề luật sư, luật sư tập sự có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về quá trình tập sự theo Mẫu số TP-LSC-02. Báo cáo quá trình tập sự phải có nhận xét, chữ ký của luật sư hướng dẫn, xác nhận của tổ chức hành nghề luật sư nơi tập sự và được gửi cho cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư tập sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc tập sự.

Điều 7. Quyền và trách nhiệm của luật sư hướng dẫn tập sự

1. Luật sư Việt Nam đang hành nghề trong tổ chức hành nghề luật sư, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm hành nghề, có uy tín, không trong thời gian bị áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật hoặc đang bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam thì được hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư. Trong cùng một thời điểm, một luật sư không được hướng dẫn quá 03 luật sư tập sự.

2. Luật sư hướng dẫn tập sự có trách nhiệm sau đây:

a) Hướng dẫn luật sư tập sự theo nội dung tập sự, việc thực hiện trách nhiệm của luật sư tập sự;

b) Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các công việc của luật sư tập sự do mình phân công, xác nhận vào Sổ nhật ký tập sự;

c) Nhận xét về quá trình tập sự, trong đó nêu rõ các ưu điểm, hạn chế về

nhận thức nghề nghiệp, năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng hành nghề, ý thức tuân thủ pháp luật, ý thức tổ chức kỷ luật, việc thực hiện Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam;

d) Chịu trách nhiệm về quá trình tập sự của luật sư tập sự trong phạm vi, nhiệm vụ được phân công; tạo điều kiện để luật sư tập sự hoàn thành thời gian tập sự; không được cản trở hay hạn chế luật sư tập sự thực hiện trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về những vụ, việc mà luật sư tập sự thực hiện theo sự phân công và hướng dẫn của mình;

đ) Kịp thời báo cáo cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư tập sự, tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự về việc luật sư tập sự không thực hiện đầy đủ trách nhiệm, vi phạm quy định pháp luật trong quá trình tập sự;

e) Từ chối hướng dẫn tập sự khi không có năng lực chuyên môn phù hợp hoặc các điều kiện cần thiết khác để hướng dẫn hoặc luật sư tập sự không đáp ứng điều kiện theo quy định của Nghị định này;

g) Các trách nhiệm khác liên quan đến việc hướng dẫn tập sự theo phân công của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự, quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự

1. Thực hiện giám sát việc tập sự hành nghề luật sư, quản lý luật sư tập sự trong quá trình tập sự tại tổ chức mình.

2. Gửi văn bản tiếp nhận tập sự hành nghề luật sư cho luật sư tập sự, cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư tập sự; ký, xác nhận vào Sổ nhật ký tập sự và Báo cáo quá trình tập sự; phân công luật sư đáp ứng đủ điều kiện hướng dẫn luật sư tập sự và chịu trách nhiệm về việc phân công đó.

3. Bảo đảm việc thực hiện trách nhiệm của luật sư tập sự và luật sư hướng dẫn tập sự tại tổ chức mình; tạo điều kiện thuận lợi cho luật sư tập sự thực hiện các công việc liên quan đến phạm vi công việc của luật sư công để phát triển kỹ năng nghề luật sư.

4. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm của luật sư hướng dẫn, trách nhiệm của luật sư tập sự.

5. Giải quyết các vấn đề phát sinh giữa luật sư hướng dẫn và luật sư tập sự.

6. Từ chối nhận luật sư tập sự trong trường hợp luật sư tập sự không đáp ứng điều kiện quy định của Nghị định này, tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự không còn luật sư có đủ điều kiện hướng dẫn tập sự theo quy định; chấm dứt việc nhận hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư trong trường hợp luật sư tập sự bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

7. Xem xét việc từ chối, thay đổi luật sư hướng dẫn.

8. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư tập sự

1. Tạo điều kiện để luật sư tập sự thực hiện đầy đủ nội dung tập sự theo quy định của pháp luật.

2. Bố trí thời gian, điều kiện làm việc cần thiết để luật sư tập sự tham gia tập sự và tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự theo quy định.

3. Phối hợp với tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự trong việc quản lý, theo dõi, đánh giá quá trình tập sự của luật sư tập sự.

4. Theo dõi việc chấp hành kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp và các quy định có liên quan của người tập sự; kịp thời trao đổi với tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự khi phát hiện vi phạm;

5. Xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với luật sư tập sự vi phạm quy định về tập sự hành nghề luật sư.

6. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 10. Kiểm tra kết quả tập sự hành nghề

1. Người được miễn tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 5 của Nghị định này không phải tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công.

2. Luật sư tập sự đã hoàn thành thời gian tập sự hành nghề luật sư được tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công.

3. Bộ Tư pháp có trách nhiệm tổ chức kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công. Hội đồng kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập. Hội đồng kiểm tra làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, thảo luận tập thể và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Thành phần Hội đồng kiểm tra có đại diện Bộ Tư pháp, Liên đoàn Luật sư Việt Nam và thành viên là đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan.

4. Nội dung kiểm tra bao gồm nhận thức chính trị; pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư; Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam; kỹ năng hành nghề luật sư.

5. Bộ Tư pháp hướng dẫn việc tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công.

Điều 11. Tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công, cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư

1. Căn cứ vào nhu cầu thực tế sử dụng luật sư công, cơ quan thực hiện thí điểm lập Danh sách người đủ điều kiện tham dự kỳ kiểm tra thuộc biên chế quản

lý của mình, kèm theo hồ sơ của người dự thi gửi Bộ Tư pháp qua Công Dịch vụ công quốc gia hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

Hồ sơ dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư gồm có:

- a) Văn bản đề nghị của cơ quan thực hiện thí điểm;
- b) Bản sao hoặc bản sao điện tử Bằng cử nhân luật hoặc Bằng thạc sĩ luật;
- c) Bản sao hoặc bản sao điện tử giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 3 của Nghị định này;
- d) Bản sao hoặc bản sao điện tử Quyết định tập sự luật sư công;
- đ) Báo cáo quá trình tập sự kèm theo Sổ nhật ký tập sự theo Mẫu số TP-LSC- 01;
- e) Bản sao hoặc bản sao điện tử giấy tờ chứng minh có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc thường xuyên, trực tiếp trong lĩnh vực pháp luật hoặc kinh nghiệm tranh tụng, tư vấn pháp luật hoặc giải quyết vụ, việc pháp lý phức tạp.

Người đạt yêu cầu kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công được Bộ trưởng Bộ Tư pháp cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày công bố kết quả kỳ kiểm tra.

2. Căn cứ vào nhu cầu thực tế sử dụng luật sư công, cơ quan thực hiện thí điểm lập Danh sách người được miễn tập sự thuộc biên chế của mình quy định tại Điều 5 của Nghị định này, kèm theo hồ sơ của người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư gửi Bộ Tư pháp qua Công Dịch vụ công quốc gia hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

Hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư gồm có:

- a) Các giấy tờ quy định tại điểm a và e khoản 1 Điều này;
- b) Bản sao hoặc bản sao điện tử Bằng cử nhân luật hoặc Bằng thạc sĩ luật hoặc tiến sĩ luật;
- c) Bản sao hoặc bản sao điện tử giấy tờ chứng minh là người được miễn tập sự hành nghề luật sư quy định tại Điều 5 của Nghị định này;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư cho luật sư công; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Bộ Tư pháp có trách nhiệm tạo lập, quản lý, lưu trữ và khai thác hồ sơ của luật sư công theo quy định của pháp luật.

4. Luật sư công được tham gia giải quyết công việc có tính chất pháp lý tại khu vực nhà nước kể từ ngày được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.

Điều 12. Kinh nghiệm công tác pháp luật và giấy tờ chứng minh kinh nghiệm công tác pháp luật

1. Kinh nghiệm làm việc thường xuyên, trực tiếp trong lĩnh vực pháp luật theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết là thời gian giữ chức danh, thời gian hành nghề hoặc làm công việc sau đây:

a) Thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên; thẩm tra viên ngành Tòa án, thư ký Tòa án; chấp hành viên, thẩm tra viên, thư ký thi hành án dân sự; kiểm tra viên ngành kiểm sát; trợ giúp viên pháp lý; thanh tra viên; trình sát viên, cảnh sát viên; nghiên cứu viên, giảng viên trong lĩnh vực pháp luật;

b) Chuyên viên và chức danh tương đương trở lên tại các vị trí việc làm yêu cầu trình độ cử nhân luật trở lên tại các cơ quan sau đây: Cơ quan tư pháp, nội vụ, nội chính, pháp chế; cơ quan thi hành án dân sự; các cơ quan tòa án, kiểm sát, thanh tra, kiểm tra; bộ phận pháp chế tại các doanh nghiệp; công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã;

c) Thời gian hành nghề luật sư, đấu giá viên, quản tài viên, thừa hành viên;

d) Thời gian làm nghiệp vụ công chứng, luật sư, đấu giá tại các tổ chức hành nghề công chứng, luật sư, đấu giá.

2. Kinh nghiệm làm việc thường xuyên, trực tiếp trong lĩnh vực pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này là thời gian công tác, làm việc liên tục hoặc cộng dồn.

3. Giấy tờ chứng minh kinh nghiệm làm việc thường xuyên, trực tiếp trong lĩnh vực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều này là một hoặc một số giấy tờ sau đây:

a) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, tuyển dụng, luân chuyển, điều động, hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động kèm theo giấy tờ chứng minh thời gian đóng bảo hiểm xã hội phù hợp với vị trí công tác pháp luật được bổ nhiệm, tuyển dụng hoặc ký hợp đồng từ đủ 05 năm trở lên đối với những người thuộc trường hợp quy định tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này;

b) Chứng chỉ hành nghề luật sư và thẻ luật sư; chứng chỉ hành nghề đấu giá; chứng chỉ hành nghề quản tài viên; quyết định bổ nhiệm công chứng viên, quyết định bổ nhiệm thừa hành viên đối với những người thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

Chứng chỉ hành nghề hoặc các quyết định quy định tại điểm này phải kèm theo giấy tờ chứng minh thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 05 năm trở lên tương ứng với chức danh mà họ đảm nhận. Trường hợp người quản lý doanh nghiệp trong lĩnh vực luật sư, đấu giá, quản lý thanh lý tài sản, thừa phát lại mà không hưởng tiền lương hoặc người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng mà đang giao kết hợp đồng lao động không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì không cần nộp kèm theo giấy tờ chứng minh thời gian đóng bảo hiểm xã hội;

c) Các giấy tờ hợp pháp khác chứng minh kinh nghiệm công tác pháp

luật.

Điều 13. Gia nhập Đoàn Luật sư, cấp Thẻ luật sư cho luật sư công

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Chứng chỉ hành nghề luật sư, luật sư công thực hiện việc gia nhập Đoàn Luật sư nơi cơ quan, doanh nghiệp quản lý của mình có trụ sở.

2. Hồ sơ gia nhập Đoàn Luật sư được gửi đến Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư gồm có:

a) Giấy đề nghị gia nhập Đoàn Luật sư theo mẫu do Liên đoàn Luật sư Việt Nam ban hành;

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử Chứng chỉ hành nghề luật sư.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư ra quyết định về việc gia nhập Đoàn Luật sư cho luật sư công.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định gia nhập Đoàn Luật sư, Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị Liên đoàn Luật sư Việt Nam cấp Thẻ luật sư cho người gia nhập Đoàn Luật sư. Thời hạn cấp Thẻ luật sư không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Đoàn Luật sư.

Điều 14. Thủ tục thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư của luật sư công

1. Khi có một trong những căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết, cơ quan thực hiện thí điểm có văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư của luật sư công, trong đó nêu rõ lý do thu hồi kèm theo giấy tờ chứng minh.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư của luật sư công.

Quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư được gửi cho cơ quan đề nghị thu hồi, gửi Liên đoàn Luật sư Việt Nam để thu hồi Thẻ Luật sư và gửi Đoàn Luật sư nơi luật sư công là thành viên để xóa tên khỏi danh sách thành viên Đoàn Luật sư.

Điều 15. Thủ tục cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư cho luật sư công

1. Trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề luật sư bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác mà thông tin trên Chứng chỉ hành nghề luật sư bị thay đổi thì cơ quan thực hiện thí điểm có văn bản gửi Bộ Tư pháp qua Công Dịch vụ công quốc gia hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đề nghị cấp đổi Chứng chỉ hành nghề luật sư cho luật sư công, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp đổi.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra quyết định cấp đổi Chứng chỉ hành nghề luật sư cho luật sư công.

2. Người đã bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm a, b và d khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết được xem xét cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư khi đáp ứng các tiêu chuẩn của luật sư công quy định tại Điều 5 của Nghị quyết và lý do bị thu hồi Chứng chỉ không còn.

Hồ sơ đề nghị cấp lại được gửi đến Bộ Tư pháp qua Công Dịch vụ công quốc gia hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp. Hồ sơ gồm có:

- a) Văn bản đề nghị của cơ quan thực hiện thí điểm;
- b) Giấy tờ chứng minh đáp ứng tiêu chuẩn luật sư công và lý do bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư không còn.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư cho luật sư công.

Điều 16. Lập danh sách luật sư công

1. Cơ quan thực hiện thí điểm có trách nhiệm lập, đăng tải Danh sách luật sư công trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan mình sau khi luật sư công được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.

2. Thông tin đăng tải về luật sư công bao gồm:

- a) Họ và tên;
- b) Năm sinh;
- c) Số Chứng chỉ hành nghề luật sư;
- d) Nơi công tác;
- đ) Lĩnh vực chuyên môn;
- e) Các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan thực hiện thí điểm có trách nhiệm gửi Danh sách luật sư công của cơ quan mình kèm theo các thông tin về luật sư công quy định tại khoản 2 Điều này cho Bộ Tư pháp để đăng tải Danh sách luật sư công của các cơ quan thực hiện thí điểm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

Khi có sự thay đổi thông tin trong Danh sách luật sư công, cơ quan thực hiện thí điểm có trách nhiệm điều chỉnh thông tin và thông báo cho Bộ Tư pháp trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày điều chỉnh.

Điều 17. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho luật sư công

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được cấp Chứng chỉ hành nghề luật

sư hoặc luật sư hành nghề theo quy định của pháp luật về luật sư được tuyển dụng làm luật sư công phải đăng ký tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Thời gian bồi dưỡng tối thiểu là 10 ngày.

Nội dung bồi dưỡng gồm: Pháp luật về luật sư và pháp luật về luật sư công, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam; kỹ năng tham gia giải quyết công việc có tính chất pháp lý tại khu vực nhà nước và nội dung khác liên quan đến hoạt động của luật sư công.

2. Bộ Tư pháp có trách nhiệm xây dựng nội dung bồi dưỡng và tổ chức việc bồi dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Luật sư công có nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng bắt buộc theo quy định của pháp luật về luật sư. Luật sư công đã tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được tính vào thời gian bồi dưỡng bắt buộc của năm đó.

Chương III **GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC CÓ TÍNH CHẤT PHÁP LÝ** **TẠI KHU VỰC NHÀ NƯỚC**

Điều 18. Cử luật sư công tham gia giải quyết công việc có tính chất pháp lý tại khu vực nhà nước

1. Khi có nhu cầu sử dụng luật sư công để tham gia vào vụ, việc có tính chất pháp lý, cơ quan thực hiện thí điểm cử luật sư công của cơ quan mình để tham gia giải quyết vụ, việc. Văn bản cử luật sư công gồm có các nội dung chính sau đây:

- a) Họ và tên, số Chứng chỉ hành nghề luật sư của luật sư công được cử;
- b) Nội dung công việc mà luật sư công thực hiện;
- c) Quyền và nghĩa vụ của luật sư công trong thời gian thực hiện công việc;
- d) Thời hạn thực hiện nhiệm vụ;
- đ) Các chế độ, chính sách luật sư công được hưởng;
- e) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan;
- g) Các nội dung khác có liên quan.

2. Cơ quan thực hiện thí điểm có nhu cầu sử dụng luật sư công của cơ quan khác thì có văn bản đề nghị cơ quan có luật sư công cử hoặc đề nghị Bộ Tư pháp giới thiệu để cử luật sư công. Văn bản đề nghị cử hoặc giới thiệu luật sư công gồm có nội dung chính sau đây:

- a) Thông tin về nội dung vụ, việc;
- b) Dự kiến phạm vi và nội dung công việc của luật sư công;

- c) Dự kiến thời hạn thực hiện vụ, việc;
- d) Trách nhiệm của luật sư công khi thực hiện vụ, việc;
- đ) Các chế độ, chính sách luật sư công được hưởng;
- e) Các nội dung khác có liên quan.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cử, cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư công có trách nhiệm cử luật sư công có chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực cần cho giải quyết vụ, việc của cơ quan, tổ chức mình để thực hiện các vụ, việc của cơ quan, tổ chức đề nghị cử. Văn bản cử luật sư công gồm có các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Theo yêu cầu của cơ quan sử dụng luật sư công, cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư công gia hạn thời gian thực hiện công việc của luật sư công trong trường hợp gần hết thời hạn theo văn bản cử luật sư công mà vụ, việc chưa được giải quyết xong.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị giới thiệu luật sư công, Bộ Tư pháp rà soát danh sách luật sư công của các cơ quan thực hiện thí điểm để giới thiệu luật sư công cho cơ quan có nhu cầu sử dụng luật sư công.

5. Một luật sư công có thể đồng thời tham gia giải quyết nhiều vụ, việc có tính chất pháp lý tại khu vực nhà nước nếu việc tham gia đó không ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ mà luật sư công đã tham gia.

6. Cơ quan sử dụng luật sư công có trách nhiệm sau đây:

- a) Xác định yêu cầu, phạm vi công việc và nhiệm vụ cụ thể của luật sư công;
- b) Cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến vụ, việc và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin, tài liệu cung cấp cho luật sư công;
- c) Tạo điều kiện để luật sư công thực hiện nhiệm vụ và tiếp cận các nguồn thông tin cần thiết theo quy định của pháp luật;
- d) Thành lập Tổ luật sư để giải quyết vụ, việc cụ thể khi thấy cần thiết. Tổ luật sư bao gồm các luật sư công của các cơ quan thực hiện thí điểm và các luật sư hành nghề (nếu có).
- đ) Phối hợp với cơ quan quản lý luật sư công trong việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của luật sư công;
- e) Lưu giữ và bảo mật thông tin trong quá trình giải quyết và sau khi kết thúc việc giải quyết vụ, việc theo quy định của pháp luật;

g) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

7. Cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư công có trách nhiệm sau đây:

a) Tạo điều kiện về thời gian, công việc và các điều kiện khác để luật sư công của cơ quan, doanh nghiệp mình thực hiện quyền và nghĩa vụ của luật sư công;

b) Hỗ trợ luật sư công trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

c) Phối hợp với cơ quan sử dụng luật sư công giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện vụ, việc;

d) Thực hiện đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của luật sư công trên cơ sở kết quả thực hiện vụ, việc và ý kiến của cơ quan sử dụng luật sư công;

đ) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Từ chối tham gia giải quyết vụ, việc

1. Cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư công được từ chối cử luật sư công khi có một trong các lý do sau đây:

a) Nội dung vụ, việc cần luật sư công tham gia không phù hợp với chuyên môn của luật sư công thuộc cơ quan, doanh nghiệp mình;

b) Không có luật sư công đủ năng lực chuyên môn để tham gia giải quyết vụ, việc;

c) Không bố trí được thời gian để luật sư công tham gia giải quyết vụ, việc do đang đồng thời thực hiện nhiệm vụ ưu tiên, khẩn cấp khác theo văn bản phân công của cấp có thẩm quyền;

d) Không bảo đảm tính độc lập, trung thực, khách quan của luật sư công và có xung đột lợi ích khi tham gia giải quyết vụ, việc;

đ) Trường hợp bất khả kháng hoặc có lý do chính đáng khác.

Việc từ chối cử luật sư công phải được lập thành văn bản và nêu rõ lý do.

2. Luật sư công có nghĩa vụ từ chối tham gia giải quyết vụ, việc và báo cáo bằng văn bản với người đứng đầu cơ quan sử dụng luật sư công nếu việc tham gia không bảo đảm tính độc lập, trung thực, khách quan và có xung đột lợi ích.

Trong quá trình giải quyết vụ, việc, luật sư công có quyền bảo lưu ý kiến chuyên môn của mình bằng văn bản; văn bản bảo lưu ý kiến được gửi cơ quan sử dụng luật sư công.

Điều 20. Ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với tổ chức hành nghề luật sư

1. Cơ quan thực hiện thí điểm có thể lựa chọn và ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với tổ chức hành nghề luật sư để cùng luật sư công giải quyết vụ, việc có

tính chất pháp lý phức tạp khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Vụ, việc có tính chất phức tạp, đòi hỏi chuyên môn sâu mà đội ngũ luật sư công chưa đáp ứng được;
- b) Số lượng vụ, việc phức tạp cần nhiều luật sư mà vượt quá khả năng tham gia của đội ngũ luật sư công;
- c) Vụ, việc có liên quan đến các dự án quan trọng quốc gia hoặc dự án có tác động lớn đến kinh tế, xã hội;
- d) Vụ, việc có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền tài phán quốc tế;
- đ) Các vụ, việc khác theo quyết định của cơ quan chủ trì giải quyết vụ, việc.

2. Việc lựa chọn tổ chức hành nghề luật sư phải bảo đảm công khai, minh bạch, phù hợp với tính chất vụ, việc và được thực hiện theo quy trình lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt áp dụng tương tự việc lựa chọn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, các biện pháp khác ảnh hưởng đến lợi ích thương mại của Việt Nam tại nước ngoài, cơ quan tài phán, cơ quan giải quyết tranh chấp trong nước, nước ngoài hoặc quốc tế theo quy định của pháp luật đấu thầu.

3. Khi giải quyết vụ, việc, luật sư công có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với luật sư của tổ chức hành nghề luật sư trong việc bảo vệ lợi ích của Nhà nước.

Luật sư công và tổ chức hành nghề luật sư có trách nhiệm phối hợp, trao đổi thông tin, bảo đảm giữ bí mật thông tin, thống nhất phương án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Khi có sự không thống nhất giữa luật sư công và luật sư hành nghề trong quá trình giải quyết vụ, việc thì các luật sư báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức sử dụng luật sư xem xét, quyết định. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức sử dụng luật sư công chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Ý kiến của luật sư công và luật sư hành nghề phải được lưu trong hồ sơ vụ, việc.

Chương IV

CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH,

KINH PHÍ BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA LUẬT SƯ CÔNG

Điều 21. Chế độ, chính sách đối với luật sư công

1. Ngoài tiền lương, luật sư công làm việc trong doanh nghiệp nhà nước được hưởng mức hỗ trợ hằng tháng; mức hỗ trợ hằng tháng được thỏa thuận trong hợp đồng lao động với doanh nghiệp nhà nước.

2. Ngoài khoản hỗ trợ và bồi dưỡng theo quy định của Nghị quyết và Nghị định này, luật sư công được hưởng chế độ, chính sách khác tương tự như

đối với cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang có vị trí việc làm xây dựng pháp luật, pháp chế theo quy định của Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

3. Khoản hỗ trợ hằng tháng do cơ quan, doanh nghiệp quản lý của luật sư công chi trả cùng kỳ lương. Khoản hỗ trợ này không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 22. Thời gian tham gia giải quyết vụ, việc của luật sư công

1. Một buổi làm việc của luật sư công theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị quyết được tính là 04 giờ. Trường hợp thời gian làm việc thực tế không đủ hoặc vượt quá 04 giờ thì được tính theo tỷ lệ tương ứng để làm căn cứ chi trả bồi dưỡng.

2. Các công việc của luật sư công thực hiện để giải quyết vụ, việc làm cơ sở để tính thời gian làm việc bao gồm:

- a) Nghiên cứu, sao chụp hồ sơ, tài liệu;
- b) Xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, tình tiết liên quan;
- c) Làm việc với cơ quan, tổ chức sử dụng luật sư công;
- d) Làm việc với cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ, việc, tham gia tố tụng;
- đ) Làm việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- e) Xây dựng phương án giải quyết và chuẩn bị hồ sơ vụ, việc;
- g) Các công việc khác có liên quan.

3. Thời gian làm việc của luật sư công quy định tại khoản 2 Điều này do cơ quan sử dụng luật sư công xác nhận.

4. Luật sư công được thanh toán chế độ bồi dưỡng trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc tham gia giải quyết vụ, việc. Hồ sơ thanh toán chế độ bồi dưỡng của luật sư công gồm:

- a) Văn bản cử luật sư công;
- b) Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của luật sư công;
- c) Văn bản xác nhận của cơ quan sử dụng luật sư công quy định tại khoản 3 Điều này;
- d) Bảng thanh toán tiền bồi dưỡng;
- đ) Các tài liệu có liên quan khác.

Điều 23. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động của luật sư công và thực hiện chế độ, chính sách đối với luật sư công

1. Cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư công có trách nhiệm chi trả phí tập sự hành nghề luật sư, mức hỗ trợ hằng tháng cho luật sư công, các khoản phí liên quan đến tập sự, gia nhập, duy trì tư cách thành viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư công và thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định của Nghị định này.

2. Cơ quan sử dụng luật sư công có trách nhiệm thanh toán tiền bồi dưỡng cho luật sư công, các khoản chi phí khác theo quy định của Nghị định này khi luật sư công tham gia giải quyết vụ, việc có tính chất pháp lý của cơ quan, tổ chức mình.

3. Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện thí điểm dự toán kinh phí chi trả cho tổ chức hành nghề luật sư theo hợp đồng dịch vụ pháp lý và kinh phí khác bảo đảm cho hoạt động của luật sư công gửi cơ quan tài chính tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của cơ quan thực hiện thí điểm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Kinh phí bảo đảm cho hoạt động của luật sư công tại doanh nghiệp nhà nước được bảo đảm từ nguồn tài chính của doanh nghiệp và bố trí trong kế hoạch tài chính hằng năm theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp nhà nước lập, phê duyệt, quản lý và sử dụng dự toán kinh phí theo quy định của pháp luật về quản lý tài chính doanh nghiệp.

4. Việc quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí cho hoạt động của luật sư công được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước đối với cơ quan hành chính nhà nước; theo quy định của pháp luật về quản lý tài chính doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương V **QUẢN LÝ LUẬT SƯ CÔNG**

Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước về luật sư công

1. Bộ Tư pháp giúp Chính phủ quản lý nhà nước về luật sư công có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về luật sư công và hướng dẫn thi hành các văn bản đó; ban hành tiêu chí đánh giá hoạt động của luật sư công;

b) Phổ biến, tuyên truyền pháp luật về luật sư công và pháp luật có liên quan;

c) Tổ chức kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công;

d) Cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư;

đ) Lập, đăng tải danh sách luật sư công của các cơ quan thực hiện thí điểm; giới thiệu luật sư công để thực hiện công việc có tính chất pháp lý tại khu vực nhà nước theo đề nghị của cơ quan thực hiện thí điểm;

e) Xây dựng nội dung, chương trình và thực hiện bồi dưỡng cho luật sư công sau khi được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư; tổ chức bồi dưỡng hằng năm cho luật sư công trong phạm vi toàn quốc;

g) Kiểm tra hoạt động của luật sư công theo quy định của pháp luật;

h) Tổng hợp, theo dõi, đánh giá hiệu quả hoạt động của luật sư công trên cơ sở tiêu chí đã được ban hành; tổng kết, báo cáo Chính phủ;

i) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố là cơ quan quản lý nhà nước về luật sư công ở địa phương có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Phổ biến, tuyên truyền pháp luật về luật sư công và pháp luật có liên quan;

b) Tổ chức bồi dưỡng hằng năm cho luật sư công ở địa phương;

c) Kiểm tra hoạt động của luật sư công theo quy định của pháp luật;

d) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thực hiện thí điểm

1. Cơ quan thực hiện thí điểm có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Cử người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn thuộc cơ quan mình tham gia đào tạo, tập sự để tạo nguồn luật sư công; xác định nhu cầu sử dụng luật sư công, đề nghị tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công để cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư cho người có đủ tiêu chuẩn tại cơ quan mình.

b) Lập, đăng tải danh sách luật sư công thuộc cơ quan mình.

c) Cử luật sư công của cơ quan mình để giải quyết công việc có tính chất pháp lý tại khu vực nhà nước theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết và Nghị định này.

d) Bảo đảm chế độ chính sách về tiền lương, hỗ trợ, phụ cấp, chi phí và các chế độ, chính sách khác cho luật sư công; thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn, danh dự, uy tín của luật sư công khi thực hiện nhiệm vụ giải quyết các vụ, việc.

đ) Xử lý kỷ luật, giải quyết tố cáo liên quan đến luật sư công.

e) Theo dõi, tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chế độ luật sư công tại địa phương và định kỳ báo cáo Bộ Tư pháp để xem xét, hướng dẫn hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật.

g) Đánh giá hiệu quả hoạt động của luật sư công ở bộ, địa phương trên cơ sở tiêu chí đã được ban hành; tổng kết, gửi báo cáo về Bộ Tư pháp

h) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài các nhiệm vụ quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện quản lý luật sư công trong Quân đội, Công an phù hợp với đặc thù quân sự, quốc phòng.

Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư

1. Liên đoàn Luật sư Việt Nam có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:
 - a) Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc tổ chức kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công;
 - b) Phối hợp với Bộ Tư pháp xây dựng nội dung, chương trình bồi dưỡng cho luật sư công quy định tại Điều 17 của Nghị định này;
 - c) Cấp Thẻ luật sư cho luật sư công;
 - d) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam.
2. Đoàn Luật sư tỉnh, thành phố nơi thực hiện thí điểm có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:
 - a) Thực hiện đăng ký tập sự cho luật sư tập sự;
 - b) Thực hiện đăng ký gia nhập Đoàn Luật sư cho luật sư công;
 - c) Đề nghị Liên đoàn Luật sư Việt Nam cấp Thẻ luật sư cho luật sư công;
 - d) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

Chương VI
XỬ LÝ VI PHẠM,
GIẢI QUYẾT TỐ CÁO ĐỐI VỚI LUẬT SƯ CÔNG

Điều 27. Xử lý vi phạm đối với luật sư công

1. Luật sư công có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Việc xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với luật sư công được thông báo đến Đoàn Luật sư nơi luật sư công là thành viên, Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

2. Luật sư công vi phạm Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong các hình thức kỷ luật theo quy định của Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

Việc xử lý kỷ luật đối với luật sư công được thực hiện theo quy định của Liên đoàn Luật sư Việt Nam và phải có sự trao đổi thống nhất với cơ quan,

doanh nghiệp thí điểm quản lý luật sư công. Trong trường hợp không thống nhất được thì đề nghị Bộ Tư pháp có ý kiến về các nội dung chưa thống nhất.

3. Việc xử lý kỷ luật theo quy định của Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam và việc xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện độc lập, không thay thế cho nhau.

Điều 28. Giải quyết tố cáo đối với luật sư công

Cá nhân có quyền tố cáo hành vi vi phạm của luật sư công. Tùy từng hành vi vi phạm cụ thể, việc giải quyết tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo, Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam và pháp luật có liên quan.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2026 và được thực hiện đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2028.

Điều 30. Trách nhiệm thi hành

1. Cơ quan thực hiện thí điểm căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và tiêu chuẩn của luật sư công quy định tại Nghị quyết và Nghị định này để lựa chọn, phân công hoặc tuyển dụng người thực hiện nhiệm vụ luật sư công theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và quy định của Nghị định này.

Cơ quan thực hiện thí điểm thực hiện tuyển dụng người vào làm cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân, theo quy định tại Nghị định số 170/2025/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 179/2024/NĐ-CP quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; Nghị định số 363/2025/NĐ-CP quy định chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài đối với Quân đội nhân dân Việt Nam. Người được tuyển dụng phải thực hiện nhiệm vụ của luật sư công và nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân.

2. Cơ quan thực hiện thí điểm có trách nhiệm tổ chức triển khai Nghị định này bảo đảm phát huy hiệu quả của đội ngũ luật sư công trong việc bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước; tránh lãng phí, tiêu cực, lợi dụng quy định để hưởng chế độ, chính sách.

3. Bộ trưởng Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định này.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, PL (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Lê Minh Hưng

TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ NHẬN TẬP SỰ

SỔ NHẬT KÝ TẬP SỰ (Được in trên khổ giấy A4)

- * Họ và tên luật sư tập sự:
- * Họ và tên luật sư hướng dẫn:
- * Thời gian tập sự hành nghề luật sư: Từ ngày.....đến ngày.....
- * Tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự:.....

NỘI DUNG CÔNG VIỆC TẬP SỰ

<i>TT</i>	<i>Nội dung vụ, việc (tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng và tham gia giải quyết các vụ, việc có tính chất pháp lý khác)</i>	<i>Thời gian thực hiện (từ ngày đến ngày)</i>	<i>Công việc được luật sư hướng dẫn phân công</i>	<i>Văn bản pháp luật điều chỉnh vụ, việc</i>	<i>Ghi chú</i>
1.					
2.					

Ghi chú:

Tổng số vụ, việc tham gia là:

(Lập Bảng theo dõi công việc tập sự hàng tuần)

Xác nhận của luật sư hướng dẫn

Tôi,..... là luật sư hướng dẫn cho luật sư tập sự
..... Nay, nhận xét Sổ nhật ký tập sự qua thời gian tập sự từ
ngày đến ngày như sau:

Nhật ký ghi chép luật sư tập sự đầy đủ, đúng với thời gian tập sự do chính
luật sư hướng dẫn và thực hiện tại tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự. Vụ,
việc luật sư tập sự ghi trong Sổ nhật ký là vụ, việc được luật sư hướng dẫn giao
cho thực hiện. Luật sư hướng dẫn cam đoan nội dung ghi chép của luật sư tập sự
là đúng với thực tế quá trình tập sự.

Xác nhận của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự

Chữ ký bên là của luật sư
hiện đang hoạt động tại
.....
và hướng dẫn tập sự cho Ông/Bà
..... là đúng.

....., ngày tháng năm

Luật sư hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm

Người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ
LUẬT SƯ NHẬN TẬP SỰ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**BÁO CÁO
QUÁ TRÌNH TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ**

Kính gửi: Tên cơ quan, doanh nghiệp quản lý luật sư tập sự

Họ và tên luật sư tập sự:

Sinh ngày:

Số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Thời gian tập sự: Từ ngày: đến hết ngày:

Tập sự tại tổ chức hành nghề luật sư:.....

Địa chỉ trụ sở:

Luật sư hướng dẫn:....., Chứng chỉ hành nghề luật sư số:..... do Bộ trưởng Bộ Tư pháp/UBND tỉnh, thành phố..... cấp ngày..... Thẻ luật sư số:.....do Liên đoàn Luật sư Việt Nam cấp ngày.....

Báo cáo nội dung quá trình tập sự hành nghề luật sư như sau:

1. Thực hiện trách nhiệm của luật sư tập sự theo quy định của pháp luật về luật sư công và pháp luật có liên quan.
2. Số lượng, nội dung, thời gian và địa điểm thực hiện vụ, việc được phân công tham gia (trong đó nêu rõ về cơ sở pháp lý, hướng tư vấn/bảo vệ cho khách hàng trên cơ sở quy định của pháp luật và tình tiết vụ, việc, kiến thức pháp luật, kỹ năng hành nghề luật sư thu nhận được từ quá trình tham gia giải quyết vụ, việc).
3. Tự nhận xét về tư cách đạo đức, nhận thức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức chấp hành pháp luật nói chung và

việc chấp hành pháp luật, Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam nói riêng.

4. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tập sự và đề xuất, kiến nghị.

Trên đây là Báo cáo quá trình tập sự hành nghề luật sư mà bản thân tôi đã thực hiện trong thời gian qua và đề nghị tổ chức hành nghề luật sư.....xem xét, đánh giá, xác nhận cho tôi đã hoàn thành thời gian tập sự và đủ điều kiện tham dự kỳ thi luật sư công.

Luật sư tập sự

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHẦN NHẬN XÉT CỦA LUẬT SƯ HƯỚNG DẪN

(Ghi rõ xác nhận tính chính xác về vụ, việc luật sư tập sự đã tham gia, nhận xét quá trình tập sự, trong đó nêu rõ ưu, khuyết điểm, hạn chế về năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng hành nghề, ý thức chấp hành kỷ luật, tuân thủ pháp luật, Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam nói riêng)

Tôi, là luật sư hướng dẫn cho luật sư tập sự, nhận xét quá trình tập sự của luật sư tập sự.....từ ngàyđến ngày như sau:

1. Về năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng hành nghề:

.....
.....
.....

2. Về ý thức tổ chức kỷ luật và ý thức tuân thủ pháp luật:

.....
.....
.....

3. Về tư cách đạo đức, nhận thức nghề nghiệp và việc tuân theo Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam:

.....
.....
.....

4. Kết luận:

Căn cứ các quy định pháp luật về tập sự hành nghề luật sư, tôi nhận xét luật sư tập sự..... đã hoàn thành thời gian, nghĩa vụ tập sự hành nghề luật sư và đề nghị cho luật sư tập sựtham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề của luật sư công.

....., ngày tháng năm

Luật sư hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ NHẬN TẬP SỰ

1. Về quá trình tập sự hành nghề luật sư của luật sư tập sự:

.....
.....

2. Về quá trình hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư của luật sư hướng dẫn:

.....
.....

....., ngày... tháng... năm 20...

Người đứng đầu

tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự

(Ký, ghi rõ họ tên)

